

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**  
**KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022  
Ho Chi Minh City, December 01, 2022

Số/No.: 20221201/KTGD/FUEKIV30-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU**  
**GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER**  
**EXCHANGE TRADING**

*Kính gửi:* Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

*To:* Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/ *KIM GROWTH VN30 ETF*
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:* **FUEKIV30**
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/  
*Fund Management company:* *KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:* Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/  
*Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam*
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 30/11/2022
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/  
*1 lot of ETF = 100 000 ETF shares*

**Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:**

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	1,900	6.27%
2	BID	100	0.61%
3	BVH	100	0.70%
4	CTG	500	2.04%
5	FPT	600	6.64%
6	GAS	100	1.67%
7	GVR	100	0.21%
8	HDB	1,100	2.53%
9	HPG	2,100	5.44%
10	KDH	300	1.15%
11	MBB	1,700	4.35%
12	MSN	400	5.90%
13	MWG	700	4.46%
14	NVL	500	1.63%
15	PDR	200	0.38%
16	PLX	100	0.44%
17	POW	300	0.50%
18	SAB	100	2.62%
19	SSI	700	1.97%
20	STB	1,200	3.53%
21	TCB	1,500	5.63%
22	TPB	500	1.60%
23	VCB	300	3.56%
24	VHM	800	6.32%
25	VIB	800	2.26%
26	VIC	600	6.20%
27	VJC	200	3.06%
28	VNM	600	7.41%
29	VPB	3,100	7.45%
30	VRE	600	2.72%
<b>II. Tiền/ Cash</b>			
	Tiền/ Cash (VND)	4,986,818	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value:* (VND) 666,725,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF:* (VND) 671,711,818

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value:* (VND) 4,986,818

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order:*

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order:*

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại  
*Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*



Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ In case stock can be replaced by cash:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	22,150	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	41,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BVH	47,200	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	FPT	74,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	HDB	15,450	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	17,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	MWG	42,800	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	SSI	18,950	SSI	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
9	TCB	25,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	21,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
11	VIB	18,950	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
12	VPB	16,150	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các chỉ tiêu khác/ Other criteria:

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	30/11/2022	29/11/2022	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued			-
2. Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	54,500,000	54,500,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	6.940.00	6.530.00	410.00
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	366,082,941,140	357,323,328,051	8,759,613,089
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	671,711,818	655,639,134	16,072,684
của 1 CCQ/ per Share	6,717.11	6,556.39	160.72
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,049.21	1,029.04	20.17

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 29/11/2022

/ Item 5 is net asset value at 29/11/2022

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 28/11/2022

/ Item 5 is net asset value at 28/11/2022

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
Authorised Representative of Fund Management Company



**Huỳnh Mai Thảo**  
TRƯỞNG PHÒNG VẬN HÀNH